

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2018/HS-ST

Ngày : 21/9/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thảo

2. Bà Nguyễn Thị Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Trúc Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình - Tp. Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Chi - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 94/2018/TLST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: HUỲNH VĨNH N; sinh năm: 1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề N: phụ bếp; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Hoa; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Huỳnh Quốc M và bà: Ngô Ngọc P; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam: ngày 25/4/2018. (Có mặt).

Bị hại: Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1985, nơi cư trú: 13/173 đường T, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Lâm Vĩ K, sinh năm 1990, nơi cư trú: Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

2. Anh Lâm Vĩ C, sinh năm 1986, nơi cư trú: Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 00 phút ngày 25/4/2018, Huỳnh Vĩnh N điều khiển xe gắn máy hiệu Attila màu đen biển số: 59H1-052.72 lưu thông trên đường, đến đoạn trước nhà số XX đường YY, Phường E, quận F thì phát hiện chị Lê Thị Thu T đang đi bộ phía trước cùng chiều, trên cổ chị T có đeo dây chuyền bằng kim loại màu trắng. Nảy sinh ý định chiếm đoạt nên N điều khiển xe chạy lên ép sát bên phải chị T đồng thời dùng tay trái giật sợi dây chuyền rồi tăng ga bỏ chạy. Chị T tri hô, chạy bộ đuổi theo, N điều khiển xe bỏ chạy thì gặp hẻm cụt nên quay xe trở lại thì bị quần chúng nhân dân đuổi kịp, thấy vậy N liền vứt sợi dây chuyền vừa giật được xuống đường hướng về quần chúng nhân dân và tiếp tục chạy nhưng do không làm chủ được tay lái nên N đụng xe vào trụ điện ngã xuống đường, quần chúng nhân dân bắt giữ được N cùng sợi dây chuyền giao cho công an xử lý.

Vật chứng vụ án:

- 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng đã được thu hồi, trả lại cho chị Lê Thị Thu T. Kết quả định giá tài sản trong tố tụng hình sự sợi dây chuyền bằng bạc, trọng lượng 2 chỉ 8 phân kèm theo mặt dây chuyền bạc hình Quan Âm, tổng trị giá 800.000 đồng.

- 01 xe gắn máy hiệu Attila màu đen biển số 59H1-052.72 là phương tiện gây án. Kết quả xác minh xe do ông Lâm Vĩ K đứng tên đăng ký sở hữu. Anh K khai đã tặng chiếc xe này cho anh trai là Lâm Vĩ C vào năm 2014. Anh C khai vào ngày 24/4/2018 anh đã bán chiếc trên cho bạn cùng chỗ làm là Huỳnh Vĩnh N với giá 2.000.000 đồng.

- 01 USB ghi nhận hình ảnh quá trình bỏ trốn sau khi giật dây chuyền của N.

Tại bản cáo trạng số 83/CT-VKS ngày 21 tháng 8 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đã truy tố bị cáo Huỳnh Vĩnh N về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra, vật chứng thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời bị cáo khai nhận, do muốn có tiền tiêu xài nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt dây chuyền của bị hại và bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản như cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát đã trình bày luận tội, cụ thể: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhân thân lai lịch của bị cáo, diễn biến tại phiên tòa thông qua lời khai của bị cáo, thì hành vi sử dụng xe gắn máy tiếp cận bị hại thực

hiện hành vi cướp giật tài sản rồi nhanh chóng tẩu thoát của bị cáo đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”, được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo sử dụng xe gắn máy là làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội hết sức táo bạo, liều lĩnh. Hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội không chỉ xâm phạm trực tiếp đến tài sản của công dân được pháp luật và Nhà nước bảo vệ mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo phạm tội do cố ý nên cần xử phạt bị cáo mức án phù hợp mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã thu hồi trả lại bị hại, không có thiệt hại xảy ra; người bị hại đã làm đơn bãi nại cho bị cáo để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Từ căn cứ trên, áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 02 năm đến 03 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét lại.

Về vật chứng vụ án:

- Đối với 01 chiếc xe gắn máy hiệu Attila màu đen biển số 59H1-052.72, số máy: BED-020096, số khung: GD7D-020096. Kết quả xác minh xe do ông Lâm Vĩ K đứng tên đăng ký sở hữu. Anh K khai đã tặng chiếc xe này cho anh trai là Lâm Vĩ C vào năm 2014. Anh C và bị cáo N đều khai vào ngày 24/4/2018 anh C đã bán chiếc xe trên cho N với giá 2.000.000 đồng, khi bán chỉ viết giấy tay. Như vậy, chiếc xe máy thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo N, bị cáo sử dụng chiếc xe này vào việc phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 USB màu vàng trên thân có dòng chữ “VAIO 4GB” đã qua sử dụng (đã được niêm phong bên ngoài có dấu mộc Công an Phường E, quận F và chữ ký của anh Phạm Tuấn T) ghi nhận hình ảnh quá trình bỏ trốn sau khi giật dây chuyền của Huỳnh Vĩnh N. Xét đây là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu lưu giữ vào hồ sơ vụ án.

Sau phần luận tội của Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận, tranh tụng với Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để chiếu cố giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nhằm giúp cho các bị cáo sửa chữa lỗi lầm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo theo các tài liệu, chứng cứ thu thập được thì việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình ra quyết định tạm giữ, khởi tố vụ án, khởi tố bị can ra quyết định tạm giam để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử đối với bị về hành vi “Cướp giật tài sản” quy định tại Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có cơ sở, đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy

tổ bị cáo, Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình được phân công điều tra, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, thẩm tra các tài liệu, chứng cứ, luận tội, tranh tụng nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa thông qua việc thẩm tra các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo thì hành vi sử dụng xe gắn máy làm phương tiện phạm tội của bị cáo là hành vi vi phạm pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật nhà nước bảo vệ, làm ảnh hưởng tới trật tự, trị an tại địa phương, bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội do cố ý nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Đồng thời qua phần phân tích, đánh giá, nhận định của đại diện Viện kiểm sát trong phần luận tội, nhận thấy những căn cứ Viện kiểm sát viện dẫn làm căn cứ chứng minh hành vi phạm tội để đề nghị truy tố, xử phạt bị cáo như đã nêu trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận .

[3] Xét do muốn có tiền phục vụ nhu cầu cá nhân mà bị cáo đã cố ý phạm tội, hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành, tuy thiệt hại về vật chất do hành vi phạm tội của bị cáo chưa xảy ra, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo cũng đã làm ảnh hưởng đến trật tự, an ninh xã hội tại địa phương nên cần xử phạt bị cáo mức án phù hợp để có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã thu hồi trả lại bị hại nên chưa gây ra thiệt hại; người bị hại đã làm đơn bãi nại cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Việc đại diện viện kiểm sát căn cứ tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, nhân thân bị cáo để đề nghị áp dụng điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét lại như đề nghị của Viện kiểm sát.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 chiếc xe gắn máy hiệu Attila màu đen biển số 59H1-052.72, số máy: BED-020096, số khung: GD7D-020096. Kết quả xác minh xe do ông Lâm Vĩ K đứng tên đăng ký sở hữu. Anh K khai đã tặng chiếc xe này cho anh trai là Lâm Vĩ C vào năm 2014. Anh C và bị cáo N đều khai vào ngày 24/4/2018 anh C đã bán chiếc xe trên cho N với giá 2.000.000 đồng, khi bán chỉ viết giấy tay. Như vậy, chiếc xe máy thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo N, bị cáo sử dụng chiếc xe này vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử thống nhất tịch thu để sung vào ngân sách Nhà nước như đề nghị của Viện kiểm sát.

- Đối với 01 USB màu vàng trên thân có dòng chữ “VAIO 4GB” đã qua sử dụng (đã được niêm phong bên ngoài có dấu mộc Công an Phường E, quận F và chữ ký của anh Phạm Tuấn T). Hội đồng xét xử xét đây là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử thống nhất tịch thu và giao cho Tòa án nhân dân quận Tân Bình lưu giữ vào hồ sơ vụ án như đề nghị của Viện kiểm sát.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 38, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106, Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Tuyên bố bị cáo Huỳnh Vĩnh N phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt: Huỳnh Vĩnh N 02 (hai) năm tù

Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam: 25/4/2018.

[2] Giao cho Tòa án nhân dân quận Tân Bình lưu vào hồ sơ vụ án: 01 USB màu vàng trên thân có dòng chữ “VAIO 4GB” đã qua sử dụng (đã được niêm phong bên ngoài có dấu mộc Công an Phường E, quận F và chữ ký của anh Phạm Tuấn T) (Tình trạng theo Phiếu nhập kho vật chứng số 120/PNK ngày 23/7/2018 của Công an quận Tân Bình).

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 chiếc xe gắn máy hiệu Attila màu đen biển số 59H1-052.72, số máy: BED-020096, số khung: GD7D-020096 (Tình trạng theo Phiếu nhập kho vật chứng số 120/PNK ngày 23/7/2018 của Công an quận Tân Bình).

[3] Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu

thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015).

Hội đồng xét xử đã giải thích về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án cho đương sự theo quy định tại điều 26 Luật Thi hành án (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015);

[4] Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc ngày Tòa án tổng đạt, niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại; NLQ;
- Công an quận Tân Bình;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- TAND, VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng HSNVCS CA Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Trí

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 21 tháng 9 năm 2018,

Tại phòng nghị án trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thảo

2. Bà Nguyễn Thị Lương

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 94/2018/TLST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

HUỲNH VĨNH N; sinh năm: 1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH

CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Sau khi thảo luận, nghị án, chủ tọa phiên tòa và thành viên Hội đồng xét xử thống nhất, biểu quyết, quyết định:

[1] Các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng đều phù hợp, đúng thủ tục, trình tự, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự - Kết quả biểu quyết 3/3.

[2] Về điều luật áp dụng: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 38, 54, 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106, Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án - Kết quả biểu quyết 3/3.

[3] Xử phạt: Huỳnh Vĩnh N 02 (hai) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam: 25/4/2018 - Kết quả biểu quyết 3/3.

[4] Giao cho Tòa án nhân dân quận Tân Bình lưu vào hồ sơ vụ án 01 USB màu vàng trên thân có dòng chữ “VAIO 4GB” đã qua sử dụng (đã được niêm

phong bên ngoài có dấu mộc Công an Phường E, quận F và chữ ký của anh Phạm Tuấn Thái) (Tình trạng theo Phiếu nhập kho vật chứng số 120/PNK ngày 23/7/2018 của Công an quận Tân Bình) - Kết quả biểu quyết 3/3.

[5] Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 chiếc xe gắn máy hiệu Attila màu đen biển số 59H1-052.72, số máy: BED-020096, số khung: GD7D-020096 (Tình trạng theo Phiếu nhập kho vật chứng số 120/PNK ngày 23/7/2018 của Công an quận Tân Bình) - Kết quả biểu quyết 3/3.

[6] Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm - Kết quả biểu quyết 3/3.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015). Hội đồng xét xử đã giải thích về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án cho đương sự theo quy định tại điều 26 Luật Thi hành án (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015) - Kết quả biểu quyết 3/3.

[7] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử được thực hiện phù hợp, đúng thủ tục, trình tự, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự - Kết quả biểu quyết 3/3.

[8] Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc ngày Tòa án tổng đạt, niêm yết bản án hợp lệ 2018 - Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 15 phút ngày 21 tháng 9 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA